TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2019/HS-ST
Ngày 10- 4- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Xuân Trường.
Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Quốc T**, sinh ngày tháng năm 1995 tại xã N, huyện H, tỉnh B. Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn Q, xã N, huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn Ngh, sinh năm 1970 và bà: Hà Thị H, sinh năm 1976; có vợ: Trần Thị H, sinh năm 1996 và 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt bắt quả tang và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2019 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại Tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang- Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Quang D**, sinh ngày tháng năm 1969 tại xã L, huyện H, tỉnh B. Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn S, xã L, huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Quang C, sinh năm 1941 và bà: Dương Thị H, đã chết; có vợ: Lưu Thị T, sinh năm 1968 và 04 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án: Bản án số 137/2005/HSST ngày 07/11/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt Nguyễn Quang D 18 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", phạt bổ sung 10.000.000 đồng. D chấp hành xong tiền phạt bổ sung, án phí tháng 09 năm 2006 và chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/8/2017; tiền sự:

Không; nhân thân: Không; bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2019 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại Tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang- Có mặt.

- *Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Dương Hồng T, sinh năm 1981; TQ: Khu 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh B- Có đơn xin vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1971; TQ: Khu 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh B - Có đơn xin vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

+ Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1976; TQ: Thôn V, xã Đức T, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

2. Anh Hà Huy Q, sinh năm 1976; TQ: Khu 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ ngày 02/01/2019, tại Khu 5, thị trấn T, huyện H; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Hiệp Hòa bắt quả tang Hoàng Quốc T, sinh năm 1995 ở thôn Q, xã N, huyện H đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ gồm: Thu giữ tại túi quần bên trái quần T đang mặc 01 (một) hộp giả da nhiều màu, viền bằng kim loại màu trắng bạc, trên một mặt của hộp có chữ "Masstel điện thoại Việt số 1", bên trong hộp có 09 (chín) túi nilon màu trắng được hàn kín (bên trong mỗi túi nilon đều chứa tinh thể màu trắng và 01 (một) viên nén màu hồng đỏ, trên một mặt của mỗi viên có chữ "WY", nghi ma túy tổng hợp); 01 (một) mảnh giấy bạc; 01 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa có viền màu đỏ bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi ma túy tổng hợp (được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT); Số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110i. T khai nhận đó là ma túy mà Nguyễn Quang D, sinh năm 1969 ở thôn S, xã L, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đưa cho T buổi sáng ngày 02/01/2019 và nhờ T đi bán hộ.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra ra Lệnh khám xét khẩn cấp số 15 khám xét nơi ở của T tại thôn Q, xã N, huyện H, kết quả: Không thu giữ gì.

Căn cứ lời khai của T, ngày 02/01/2019, Cơ quan điều tra ra Lệnh khám xét khẩn cấp số 16 khám xét nơi ở của Nguyễn Quang D, kết quả: thu giữ tại túi quần bên phải quần D đang mặc 01 (một) vỏ bao thuốc lá "Thăng Long", bên trong chứa: 01 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa có viền màu đỏ bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi ma túy; 01 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa có viền màu đỏ bên trong chứa 03 (ba) đoạn ống nhựa được hàn kín hai đầu (trong đó, 01 đoạn ống nhựa màu hồng đỏ, 01 đoạn ống nhựa màu xanh và 01 đoạn ống nhựa màu xanh lá cây) bên trong mỗi đoạn ống nhựa đều chứa 01 (một) viên nén màu hồng

đỏ trên một mặt mỗi viên đều có chữ "WY" nghi ma túy (được niêm phong trong phong bì ký hiệu KX); 10 điếu thuốc lá Thăng long chưa sử dụng; Thu giữ tại tủ ti vi ở phòng khách 01 (một) cân điện tử; 01 (một) chiếc điện thoại di động có chữ Masstel và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, đều đã qua sử dụng.

Ngày 02/01/2019, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp số 01 đối với Nguyễn Quang D. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Quang D khai nhận đó là ma túy của D tàng trữ mục đích để sử dụng, D không thừa nhận việc đưa ma túy để T đi bán như T khai.

Ngày 03/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa ra Quyết định số 24/QĐ trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang giám định toàn bộ số ma túy thu giữ khi bắt quả tang và khám xét khẩn cấp. Tại Kết luận giám định số 17/KL-KTHS ngày 04/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận: Trong 01 (một) phong bì có kí hiệu "QT" niêm phong gửi giám định: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ là chất ma túy Methamphetamine, có khối lượng **0,163 gam;** Trong 01 (một) hộp giả da nhiều màu, viền bằng kim loại màu trắng bạc, trên một mặt của hộp có chữ "Masstel điện thoại Việt số 1": Các mẫu tinh thể màu trắng đều là chất ma túy Methamphetamine, có khối lượng **0,357 gam,** 09 (chín) viên nén màu hồng đỏ, trên một mặt của mỗi viên có chữ "WY", đều là chất ma túy Methamphetamine, có khối lượng **0,879 gam;** Trong 01 (một) phong bì có kí hiệu "KX" đã được niêm phong gửi giám định: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ là chất ma túy Methamphetamine, có khối lượng **0,794 gam,** 03 (ba) viên nén màu hồng đỏ, trên một mặt mỗi viên nén đều có chữ "WY" đựng trong 03 (ba) đoạn ống nhựa được hàn kín hai đầu (trong đó có: 01 (một) đoạn ống nhựa màu hồng đỏ, 01 (một) đoạn ống nhựa màu xanh và 01 (một) đoạn ống nhựa màu xanh lá cây), được đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ đều là chất ma túy Methamphetamine, có khối lượng **0,311 gam.**

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Quốc T khai nhận: Khoảng hơn 09 giờ ngày 02/01/2019, Nguyễn Quang D có đưa cho T toàn bộ số ma túy thu giữ khi bắt quả tang và nhờ T bán hộ. Sau khi nhận ma túy D đưa, T đã bán ma túy cho Bùi Văn T, sinh năm 1990 ở thôn Đ, xã N, huyện H với số tiền 200.000 đồng; Dương Hồng T, sinh năm 1981 ở Khu 5, thị trấn T, huyện H,với số tiền 200.000 đồng và Nguyễn Thanh S, sinh năm 1971 ở Khu 5, thị trấn T, huyện H với số tiền 100.000 đồng. Số ma túy còn lại T cất giữ trong người mục đích để tiếp tục đi bán thì bị Công an huyện Hiệp Hoà bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật.

Đối với Nguyễn Quang D, tại Cơ quan điều tra D không thừa nhận hành vi đưa ma túy nhờ T bán hộ như T khai, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho T và D đối chất nhưng không có kết quả. Do vậy, không đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Quang D về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ khi khám xét khẩn cấp, Nguyễn Quang D khai nhận mua của một người đàn ông D không biết tên, tuổi, địa chỉ chiều ngày 01/01/2019 với giá 500.000 đồng về mục đích để sử dụng. D đã sử dụng một ít, số còn lại chưa kịp sử dụng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa khám xét thu giữ.

Từ hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của Hoàng Quốc T và Tàng trữ trái phép chất ma túy của Nguyễn Quang D nêu trên, tại bản cáo trạng số 23/CTr-VKS-HH ngày 18/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Hoàng Quốc T ra tr□ớc Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa để xét xử về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Quang D về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tạiphiên tòa công khai sơ thẩm, các bị cáo thừa nhận đã có hành vi Mua bán trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng truy tố và nội dung vụ án đã tóm tắt nêu trên, rất hối hận về việc làm của mình, T khẩn khai báo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố bị cáo Hoàng Quốc T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Quang D về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Quốc T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo Nguyễn Quang D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

1. Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Hoàng Quốc T từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý"; Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 02/01/2019.

Phạt Hoàng Quốc T từ 05 (Năm) triệu đồng đến 06 (Sáu triệu đồng sung công quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Nguyễn Quang D từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý"; Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 02/01/2019.

- *Về vật chứng:* Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) phong bì thư đựng vật chứng đã niêm phong có ký hiệu "QT" và "KX" là vật chứng của vụ án.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) thu giữ của Hoàng Quốc T; tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động có chữ Masstel đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Quang D do các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội.

+ Truy thu của Hoàng Quốc T số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) do bị cáo thu lời bất chính mà có để sung vào công quỹ Nhà nước.

+ Trả lại Hoàng Quốc T 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110i; trả lại Nguyễn Quang D 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng, đã hỏng và 01 (một) chiếc cân điện tử màu đen, đã qua sử dụng là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của các bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- *Về án phí:* □p dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo Hoàng Quốc T, Nguyễn Quang D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Việc truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo và mức án do kiểm sát viên đề nghị là có căn cứ và đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo.

[2]. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại Cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T có hành vi tàng trữ 1,399 gam chất ma túy Methamphetamine mục đích bị cáo tàng trữ để bán lại kiếm lời; bị cáo D có hành vi tàng trữ 1,105 gam chất ma túy Methamphetamine mục đích để bị cáo D sử dụng. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận cho bị cáo Hoàng Quốc T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Quang D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; bị cáo D phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khai báo T khẩn, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma tuý của Nhà n□ớc, gây tác hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khoẻ của con ng□ời, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con ng□ời, bản sắc văn hoá, thuần phong mỹ tục của dân tộc, phá hoại hạnh phúc gia đình, tác động nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội mà Đảng và Nhà n□ớc ta luôn trú trọng đấu tranh ngăn chặn. Hành vi phạm tội của bị cáo còn là mầm mống của các loại tội phạm khác có thể xảy ra, ảnh h□ởng tới lao động sản xuất, gây hoang mang dao động và làm bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để có tác dụng giáo dục riêng và góp phần ngăn đe phòng ngừa chung. Xét về nhân thân: Các bị cáo đều xuất thân từ thành phần dân lao động, có đầy đủ nhận thức và ý thức pháp luật về tác hại của chất ma tuý đối với con ng□ời, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, đối với bị cáo D đã có tiền án về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Vì vậy, cần phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian đủ để các bị cáo cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, xét các bị cáo sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, vì vậy cũng cần chiếu cố giảm nhẹ cho các bị cáo một phần khi l□ợng hình.

Đối với các bị cáo cần phải áp dụng hình phạt bổ sung để phạt tiền sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

- *Về vật chứng của vụ án:*

+ 02 (hai) phong bì thư đựng vật chứng đã niêm phong có ký hiệu "QT" và "KX" là vật chứng của vụ án, cần tịch thu tiêu hủy;

+ Số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) thu giữ của Hoàng Quốc T; 01 (một) điện thoại di động có chữ Masstel đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Quang D do các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Bị cáo T trình bày đã bán ma túy được số tiền là 500.000đ, nay mới thu giữ được 300.000đ, vì vậy số tiền 200.000đ còn lại là số tiền bị cáo thu lời bất chính, cần tuy thu của Hoàng Quốc T số tiền này để sung công quỹ Nhà nước.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110i thu giữ của Hoàng Quốc T; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng, đã hỏng và 01 (một) chiếc cân điện tử màu đen, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Quang D- là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo T và bị cáo D, cần trả lại các bị cáo Hoàng Quốc T và Nguyễn Quang D, nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với Bùi Văn T, Dương Hồng T và Nguyễn Thanh S là những đối tượng mà Hoàng Quốc T khai mua ma túy của T. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thanh S đã khai nhận việc mua ma túy của T như T khai, số ma túy trên S đã sử dụng hết nên không có căn cứ để xử lý về hình sự, do vậy Công an huyện Hiệp Hòa ra Quyết định xử phạt hành chính đối với S là phù hợp; Dương Hồng T không thừa nhận hành vi mua ma túy của T như T khai, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Dương Hồng T và Hoàng Quốc T đối chất nhưng không có kết quả; Cơ quan điều tra đã triệu tập và xác minh đối với Bùi Văn T nhưng T không có mặt tại gia đình và địa phương. Do vậy, không đủ căn cứ xác định hành vi bán ma túy của Hoàng Quốc T cho Dương Hồng T và Bùi Văn T, Cơ quan điều tra tách hành vi bán ma túy của T cho Dương Hồng T và Bùi Văn T để tiếp tục xác minh, khi nào có đủ căn cứ sẽ xem xét xử lý sau là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Hoàng Quốc T** phạm tội ***"Mua bán trái phép chất ma túy",*** bị cáo **Nguyễn Quang D** phạm ***tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý***".

1. Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Hoàng Quốc T **02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng** tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý"; Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 02/01/2019.

Phạt Hoàng Quốc T 05 (Năm) triệu đồng sung công quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 và khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Nguyễn Quang D **02 (Hai) năm** tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý"; Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 02/01/2019.

Phạt Nguyễn Quang D 05 (Năm) triệu đồng sung công quỹ Nhà nước.

- *Về vật chứng:* Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) phong bì thư đựng vật chứng đã niêm phong có ký hiệu "QT" và "KX" là vật chứng của vụ án.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) thu giữ của Hoàng Quốc T; tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động có chữ Masstel đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Quang D do các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội.

+ Truy thu của Hoàng Quốc T số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) do bị cáo thu lời bất chính mà có để sung vào công quỹ Nhà nước.

+ Trả lại Hoàng Quốc T 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110i; trả lại Nguyễn Quang D 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng, đã hỏng và 01 (một) chiếc cân điện tử màu đen, đã qua sử dụng là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của các bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- *Về án phí:* □p dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo Hoàng Quốc T, Nguyễn Quang D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi thi hành án xong. Các khoản tiền phạt hàng tháng các bị cáo còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất 10%/năm, t□ơng ứng với thời gian ch□a thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo có mặt biết đ□ợc quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt đ□ợc quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ□ợc tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Giang.*
- *VKSND tỉnh Bắc Giang.*
- *VKSND huyện Hiệp Hòa;*
- *Công an Hiệp Hòa.*
- *L- u hồ sơ vụ án.*
- *Bị cáo.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Toàn.